

DANH SÁCH THI NANG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 27/7/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	23641099	Trịnh Ngọc	Bá	20/04/2005	Nam	An Giang	A2	B308
02	A2-002	23611068	Nguyễn Thị Kim	Chi	29/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
03	A2-003	23600006	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	13/11/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B308
04	A2-004	23631225	Lưu Phong	Dân	19/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
05	A2-005	23635146	Huỳnh Phương	Đào	25/06/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
06	A2-006	22681031	Nguyễn Hoàng	Đạt	15/07/2003	Nam	Long An	A2	B308
07	A2-007	23661045	Võ Thành	Đạt	06/05/2005	Nam	Bình Định	A2	B308
08	A2-008	21634022	Đặng Ngọc Phương	Dung	24/08/2000	Nữ	TP. HCM	A2	B308
09	A2-009	22641408	Nguyễn Công Hùng	Dũng	11/03/2004	Nam	Đồng Nai	A2	B308
10	A2-010	22631272	Võ Thị Thùy	Dương	23/11/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B308
11	A2-011	23661020	Nguyễn Anh	Duy	26/08/2005	Nam	An Giang	A2	B308
12	A2-012	23600030	Nguyễn Thị Kim	Duy	28/08/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B308
13	A2-013	21641699	Dương An Kháng	Duyên	22/04/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
14	A2-014	20671009	Nguyễn Hoàng Hà	Giang	06/06/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B308
15	A2-015	23631204	Quách Bảo	Giang	07/02/2005	Nữ	An Giang	A2	B308
16	A2-016	22631248	Phạm Nguyễn Khánh	Hà	01/02/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B308
17	A2-017	22631046	Đình Trường	Hải	16/10/2000	Nam	TP. HCM	A2	B308
18	A2-018	23611072	Nguyễn Hoàng Bảo	Hân	03/04/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B308
19	A2-019	23612023	Trương Ngọc	Hân	01/03/2002	Nữ	Bạc Liêu	A2	B308
20	A2-020	22662017	Nguyễn Diệu	Hiền	05/06/2004	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B308
21	A2-021	23611106	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/09/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B308
22	A2-022	22611170	Châu Nữ Mộng	Hoài	21/01/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B308
23	A2-023	23661004	Phùng Xuân	Hoàng	03/01/1997	Nam	Bình Thuận	A2	B308
24	A2-024	23611123	Vũ Thanh Thùy	Hương	08/12/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
25	A2-025	22641106	Phan Quỳnh	Hương	28/01/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
26	A2-026	22641193	Hà Đức	Huy	13/12/2004	Nam	Hưng Yên	A2	B308
27	A2-027	22611204	Nguyễn Xuân	Huy	06/09/2002	Nam	Đồng Nai	A2	B308
28	A2-028	22641347	Mạch Thị Hoàng	Kim	19/11/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
29	A2-029	23611116	Nguyễn Thị Yến	Linh	30/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
30	A2-030	23600010	Phan Tú	Linh	10/10/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
31	A2-031	23600314	Mai Tấn	Lộc	12/06/2005	Nam	An Giang	A2	B308
32	A2-032	21641494	Phan Thành	Long	16/05/2003	Nam	TP. HCM	A2	B308
33	A2-033	21662015	Lê Tấn	Lực	02/04/2003	Nam	Khánh Hòa	A2	B308
34	A2-034	23600104	Bùi Thị Ngọc	Mai	10/01/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B308
35	A2-035	23635060	Trương Hoài Thanh	Mai	07/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
36	A2-036	23612100	Võ Thị Huyền	Mai	28/08/2005	Nữ	Long An	A2	B308

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 27/7/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-037	22662020	Nguyễn Đoàn Nhật		Minh	28/06/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B306
02	A2-038	23641432	Nguyễn Huỳnh Trà		My	19/10/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B306
03	A2-039	21661034	Trần Ngọc		Nam	31/07/2002	Nam	Đồng Nai	A2	B306
04	A2-040	23641071	Lại Thị Kim		Ngân	04/03/2003	Nữ	Long An	A2	B306
05	A2-041	23641378	Nguyễn Ngọc Kim		Ngân	30/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
06	A2-042	23611113	Trần Thị Thu		Ngân	12/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
07	A2-043	23600157	Nguyễn Thị Hồng		Nghi	14/09/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B306
08	A2-044	23631101	Bùi Dương Kim		Ngọc	22/09/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
09	A2-045	22631377	Nguyễn Thị Hạnh		Nguyên	18/04/2002	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
10	A2-046	23611105	Nguyễn Thị Thảo		Nguyên	07/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
11	A2-047	23612115	Đàm Lâm Khánh		Nhi	15/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
12	A2-048	22641380	Nguyễn Ngọc Quỳnh		Nhi	25/01/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
13	A2-049	23635028	Nguyễn Thị Yến		Nhi	06/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
14	A2-050	23611122	Nguyễn Thị Yến		Nhi	16/12/2005	Nữ	Long An	A2	B306
15	A2-051	23600017	Tăng Tiểu		Nhi	08/05/2001	Nữ	TP. HCM	A2	B306
16	A2-052	23600013	Trần Thị Tuyết		Như	19/07/2003	Nữ	Bạc Liêu	A2	B306
17	A2-053	23635075	Đỗ Ngọc		Nin	18/11/2005	Nữ	Phú Yên	A2	B306
18	A2-054	23611127	Nguyễn Hoàng		Phong	31/05/2005	Nam	Kiên Giang	A2	B306
19	A2-055	22631288	Hoàng Thị Minh		Phương	12/09/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
20	A2-056	22681030	Nguyễn Duy		Phương	23/02/2004	Nam	Kiên Giang	A2	B306
21	A2-057	23641105	Bùi Thị		Phượng	14/12/2000	Nữ	Đắk Nông	A2	B306
22	A2-058	22671026	Đặng Minh		Quân	05/07/2004	Nam	TP. HCM	A2	B306
23	A2-059	24600189	Nguyễn Minh		Quân	05/04/2006	Nam	TP. HCM	A2	B306
24	A2-060	21611227	Trần Phước		Quý	24/10/2003	Nam	TP. HCM	A2	B306
25	A2-061	21641503	Lê Thị Bảo		Quyên	01/09/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
26	A2-062	21611224	Lê Thuỳ Thảo		Quyên	17/11/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B306
27	A2-063	22641053	Nguyễn Thảo		Quyên	25/10/2002	Nữ	Vĩnh Long	A2	B306
28	A2-064	23611015	Trần Mỹ		Quyên	02/04/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B306
29	A2-065	23600079	Nguyễn Ngọc Như		Quỳnh	02/11/2005	Nữ	Long An	A2	B306
30	A2-066	22641590	Nguyễn Thị Như		Quỳnh	05/08/2004	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
31	A2-067	22635044	Trần Như		Sang	18/07/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B306
32	A2-068	20641563	Huỳnh Thị Thu		Sương	17/01/2002	Nữ	An Giang	A2	B306
33	A2-069	23600103	Ngô Quang		Tạo	26/07/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B306
34	A2-070	22641470	Văn Thị Hồng		Thắm	20/06/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B306
35	A2-071	22631412	Hoàng Thị Phương		Thảo	23/02/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
36	A2-072	23612048	Nguyễn Thị Thanh		Thảo	02/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NANG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 27/7/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-073	23611157	Nguyễn Thị Thu		Thảo	08/08/2005	Nữ	Bình Định	A2	B304
02	A2-074	23611047	Nguyễn Xuân		Thảo	03/11/2005	Nữ	Long An	A2	B304
03	A2-075	23611107	Nông Thị Kim		Thảo	09/04/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B304
04	A2-076	22641346	Trần Thị Phương		Thảo	17/03/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
05	A2-077	22635039	Nguyễn Thị Kim		Thi	24/12/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
06	A2-078	22631559	Châu Ngọc Anh		Thư	14/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
07	A2-079	23612041	Lê Trương Minh		Thư	11/02/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
08	A2-080	23631119	Trần Thị Thanh		Thư	29/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
09	A2-081	22635053	Lê Nữ Xuân		Thương	03/05/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
10	A2-082	23682039	Đinh Ngọc		Thúy	18/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
11	A2-083	23611100	Lê Nguyễn Phương		Thùy	10/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
12	A2-084	23611111	Bùi Thị Mỹ		Tiên	12/06/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
13	A2-085	23611144	Trần Đặng Thủy		Tiên	27/01/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
14	A2-086	23671029	Phạm Đình		Tiến	08/10/2004	Nam	Hà Tĩnh	A2	B304
15	A2-087	22611080	Trương Duy		Tính	29/05/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B304
16	A2-088	23641070	Trần Diệm		Toàn	20/06/2003	Nam	Long An	A2	B304
17	A2-089	23641132	Lê Thị Thu		Trà	11/11/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
18	A2-090	22631561	Nguyễn Thị		Trâm	10/10/2004	Nữ	Bình Định	A2	B304
19	A2-091	23612049	Bùi Thị Bích		Trân	04/05/2005	Nữ	Long An	A2	B304
20	A2-092	23600051	Nguyễn Ngọc		Trân	22/06/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
21	A2-093	23600074	Nguyễn Thị Quế		Trân	06/10/2005	Nữ	Bạc Liêu	A2	B304
22	A2-094	22611166	Đinh Ngọc Huyền		Trang	28/11/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B304
23	A2-095	23635123	Phạm Duy		Trọng	29/06/2005	Nam	TP. HCM	A2	B304
24	A2-096	22641321	Hồ Quốc		Trường	26/05/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B304
25	A2-097	23661001	Nguyễn Huy		Trường	30/11/2001	Nam	TP. HCM	A2	B304
26	A2-098	23661034	Nguyễn Phi		Trường	03/12/2005	Nam	Bình Định	A2	B304
27	A2-099	23611008	Huỳnh Minh		Tú	05/10/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B304
28	A2-100	22611214	Lê Huy		Việt	20/10/2003	Nam	Quảng Trị	A2	B304
29	A2-101	20641537	Nguyễn Quốc		Việt	01/04/2001	Nam	Ninh Bình	A2	B304
30	A2-102	22671015	Nguyễn Quốc		Việt	13/07/2004	Nam	TP. HCM	A2	B304
31	A2-103	23600208	Nguyễn Thị Tường		Vy	20/10/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
32	A2-104	22671001	Phan Nhật Khánh		Vy	06/06/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
33	A2-105	23612021	Văn Thị Thanh		Vy	22/05/2005	Nữ	Long An	A2	B304
34	A2-106	23641295	Nguyễn Đình		Xuân	24/07/2004	Nam	Thanh Hóa	A2	B304
35	A2-107	23611073	Mai Thị Như		Ý	05/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NANG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 27/7/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-01	22613170	Phạm Tuyết Anh	12/10/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B303
02	B1-02	23613156	Nguyễn Ngọc Như Hân	18/09/2005	Nữ	Bình Thuận	B1	B303
03	B1-03	23613201	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	17/07/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B303
04	B1-04	23613171	Nguyễn Anh Khoa	10/02/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B303
05	B1-05	23613170	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	30/01/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B303
06	B1-06	23613145	Võ Thị Mỹ	25/06/2005	Nữ	Bà Rịa-Vũng Tàu	B1	B303
07	B1-07	21612036	Phan Ngọc Ngân	08/04/2003	Nữ	Bình Định	B1	B303
08	B1-08	23613175	Đỗ Thanh Phong	11/11/2005	Nam	An Giang	B1	B303
09	B1-09	23613038	Châu Văn Phước	11/01/2004	Nam	An Giang	B1	B303
10	B1-10	24641166	Nguyễn Kim Phượng	15/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	B1	B303
11	B1-11	23613053	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/02/2005	Nữ	Gia Lai	B1	B303
12	B1-12	23613108	Đỗ Tấn Tâm	11/11/2005	Nam	Ninh Thuận	B1	B303
13	B1-13	23613100	Nguyễn Thành Tâm	24/03/2005	Nam	Bình Thuận	B1	B303
14	B1-14	23613058	Nguyễn Thị Kiều Tâm	08/01/2005	Nữ	Long An	B1	B303
15	B1-15	19613064	Nguyễn Quang Thiện	12/11/2001	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	B1	B303
16	B1-16	23613164	Ngô Thị Kim Thoa	07/12/2005	Nữ	Bến Tre	B1	B303
17	B1-17	23613027	Lý Thị Anh Thư	21/08/2003	Nữ	Long An	B1	B303
18	B1-18	23611088	Nguyễn Trần Hải Thuy	04/08/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B303
19	B1-19	23613185	Nguyễn Ngọc Thanh Thuy	18/04/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B303
20	B1-20	23613019	Lê Ngọc Tú Trinh	29/12/2004	Nữ	TP. HCM	B1	B303
21	B1-21	23635048	Mã Thị Bích Tuyền	24/10/2005	Nữ	TP. HCM	B1	B303

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 27/7/2025 - Thời gian: 07g30

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B2-01	22621101	Nguyễn Thị Kim Anh	05/01/2004	Nữ	Bình Định	B2	B302
02	B2-02	22621056	Trần Trọng Đạt	02/12/2003	Nam	TP. HCM	B2	B302
03	B2-03	22621040	Trần Thị Cẩm Giang	22/04/2004	Nữ	Long An	B2	B302
04	B2-04	22621085	Dương Gia Hân	03/12/2004	Nữ	An Giang	B2	B302
05	B2-05	22621086	Huỳnh Thị Hiệp	11/01/2004	Nữ	Đắk Lắk	B2	B302
06	B2-06	22621087	Nguyễn Thị Hoàng Lan	11/05/2004	Nữ	Bến Tre	B2	B302
07	B2-07	22621129	Huỳnh Nguyễn Diễm My	26/02/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B302
08	B2-08	22621105	Phạm Nguyễn Nguyệt Nhi	07/01/2004	Nữ	Đồng Nai	B2	B302
09	B2-09	22621116	Vương Hồng Anh Thư	29/08/2004	Nữ	Bến Tre	B2	B302
10	B2-10	22621076	Nguyễn Trần Anh Thư	16/09/2004	Nữ	Đồng Tháp	B2	B302
11	B2-11	23621025	Võ Trần Quyết Tiến	04/11/2003	Nam	TP. HCM	B2	B302
12	B2-12	22621050	Vương Võ Bảo Trân	20/12/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B302
13	B2-13	20621203	Phạm Ngọc Trinh	30/09/2002	Nữ	Tiền Giang	B2	B302
14	B2-14	22621109	Nguyễn Thị Kim Tuyền	30/03/2004	Nữ	Bến Tre	B2	B302
15	B2-15	20621064	Nguyễn Hoàng Thu Uyên	16/02/2001	Nữ	Thái Bình	B2	B302
16	B2-16	22621016	Đoàn Trúc Vy	13/02/2001	Nữ	TP. HCM	B2	B302
17	B2-17	22621051	Vương Võ Bảo Yến	20/12/2004	Nữ	TP. HCM	B2	B302

Ghi chú: Thí sinh tập trung tại phòng thi lúc 7g00.

Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh (ghi theo GKS); Giới tính.

Nếu có sai thì Thí sinh báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.